

## BẢN LUẬN QUYỂN 98

Trong niệ m trụ Bài tụng thứ tư có tám môn:

- 1/ Tà sư.
- 2/ Ở núi tuyết.
- 3/ Khuyên cố gắng.
- 4/ Hệ thuộc tịnh.
- 5/ Dẫn dắt.
- 6/ Giới viên mãn.
- 7/ Tuệ.
- 8/ Thành tựu.

Trong giải thích của văn xuôi, môn đầu rất dễ hiểu.

Thứ hai, là giải thích ở núi Tuyết, nghĩa là trong núi Tuyết có ba chỗ:

- 1) Nơi vượn, khỉ và thợ săn đều đến.
- 2) Chỉ là nơi vượn khỉ hay đến, chẳng phải nơi thợ săn đến.
- 3) Chỗ cả hai đều không đến là chỗ thứ nhất, dụ cho trông coi đất sống, là chỗ thứ hai, dụ cho ba quả hữu học, là chỗ thứ ba, dụ cho Vô học địa.

Nói: “Lại, các người ngu chủ yếu quán cảnh khác cho đến” không được giải thoát”, nghĩa là phạm phũ lừa dục, ưa thích cõi trên, nhàm chán cõi dưới, đeo đuối cầu mong cảnh trên, ra khỏi cảnh dưới, cho đến vẫn ở cảnh Phi tướng mà không được giải thoát.

Thứ ba, khuyên cố gắng, nói “An lập bốn nghĩa:

- 1) Lắng nghe nghĩa lý chánh pháp.
- 2) Thọ, trì, đọc tụng.
- 3) Quán sát nghĩa lý.
- 4) Pháp tùy pháp hạnh, cũng gọi là như lời dạy mà tu hành.

Thứ tư, là giải thích hệ thuộc thanh tịnh”. Lại có ba thứ”. Trở xuống, là giải thích lại.

1) Chứng tịnh, nghĩa là ở Kiến đạo, tức là bốn bất hoại tịnh, đối với tu dứt trừ ở trên, chưa thanh tịnh, nên nói không thanh tịnh.

2) Đã thanh tịnh, Các người của quả Bất hoàn đã lừa dục ái, bất thiện v.v...

3) Trong sạch: A-la-hán. Các hữu học ở trên được gọi là thanh tịnh, La-hán, các vị Hữu học cõi dưới gọi là không thanh tịnh gọi là trong sạch.

Thứ năm, là giải thích về thứ lớp, những người tại gia chỉ có niềm

tin thanh tịnh và ba lần lượt hỏi trong thiếu cái thanh tịnh.

Thứ sáu, là giải thích giới viên mãn, rất dễ hiểu.

Thứ bảy, là giải thích về tuệ. Nói “phải biết cõi Dục, như da v.v...”. Nghĩa là lấy thân người dụ cho ba cõi. Cõi Dục như da, cõi trên như thịt. Vô minh ở trong thịt như máu, vì máu vô minh trong thân của ba cõi, ngấm dần.

Thứ tám, là giải thích thành tựu (như văn rất dễ hiểu).

Đoạn lớn thứ nhì giải thích về chánh đoạn, thần túc. Có nửa bài tụng nêu năm môn:

1) Dũng. 2) Lực. 3) Tu đẳng trì. 4) Môn khác. 5) Thần túc.

Một môn dũng đầu tiên, là nói về bốn chánh cần. Bốn môn như lực v.v... là nói về bốn như ý túc.

Trong giải thích của văn xuôi, trước là giải thích môn dũng. Trong đây giảng nói câu thứ năm của dũng, nghĩa là tinh tấn có năm câu. Một áo giáp tinh tấn, cho đến thứ năm không bỏ ách thiện v.v... là dũng.

Thứ hai, là giải thích về lực. Nếu nói lực, thì bốn lực giữ gìn tâm, làm cho định, cho đến gìn giữ trong đẳng trì, chỉ có ngần ấy việc làm của đẳng trì, trì đẳng trì này, không có đẳng trì nào khác hoặc hơn, hoặc thêm.

Thứ ba, là giải thích: Tu Đẳng trì, luận sư Cảnh giải thích rằng: “Dục v.v... nghĩa là biếng nhác đều thực hành dục, cần, tâm, tuệ nên nói “Dục v.v...”.

Nói “Cảnh sở duyên của phẩm Tỳ-bà-xá-na”, nghĩa là tướng trước, sau: văn, tứ, tu, chứng bốn trí, tu tập tướng trước sau, nhập, gọi là tướng trước sau: Văn, tứ, tu chứng bốn trí tu tập trước sau nhập nhau, gọi là tướng trước sau.

Cảnh sở duyên của phẩm Xa-ma-tha, nghĩa là tướng v.v... trên, dưới. Bốn thiền, bốn không từ dưới lên trên, gọi là tướng trên, dưới.

“Cảnh sở duyên của phẩm câu cho đến” có tu tâm đều hiện hành các bóng sáng”, nghĩa là khi mới học quán, tạo ra tướng ánh sáng, lúc bấy giờ, liền có tướng phần của bóng sáng thích hợp với tâm, làm cảnh sở duyên. Dưới đây, sẽ phân biệt:

Hỏi: “Dục, tinh tấn, v.v... là pháp thiện, làm sao được tương ứng với lười biếng để đều hiện hành ư?” Cho nên luận tự giải thích: “Lại, chẳng phải như dục v.v... cho đến” gọi là biếng nhác đều cùng hiện hành”, nghĩa là vi đối với tinh tấn, không thể xen lẫn biếng nhác nối tiếp nhau, nên gọi là đều hiện hành. Lại, năm tướng này, phải biết rằng, gồm thu chung tất cả thứ tu v.v... nghĩa là đã nói năm nhân duyên tướng

tu thần túc, gồm thu chung hết tất cả thứ pháp Tu lạc đẳng trì. Vì lý do thứ tu này, nên đẳng trì chóng viên mãn.

Nay, xét quyển hai mươi tám: “Tưởng trên, dưới của phẩm Chỉ, nói là quán sát thân này như chỗ ở của nó, như điều mà nó mong muốn, trên, trên từ đỉnh đầu, dưới đến bàn chân, đầy đầy các thứ bất tịnh tạp nhạp.

Tưởng trước sau của phẩm quán, nghĩa là như có một tướng nơi sở quán (đối tượng quán) nghĩa là khẩn thiết đến nỗi khéo lấy, khéo tư duy, khéo liễu, khéo đạt, nghĩa là khi đứng, quán ở chỗ ngồi, lúc ngồi quán khi nằm. Hoặc ở bước đi sau, quán sát bước đi trước. (Giải thích rộng, như quyển hai mươi tám kia).

Thứ tư, là giải thích môn “khác”: “Lại nữa, năm xứ giải thoát”, nghĩa là như luận Thành Thật nói:

- 1) Nhân nghe pháp được giải thoát.
- 2) Nhờ người khác nói, được giải thoát.
- 3) Nhờ tự đọc, tụng kinh, được giải thoát.
- 4) Nhờ tư duy, được giải thoát.
- 5) Pháp tùy, pháp hạnh, được giải thoát.

“Nếu có Bí-sô dựa vào ý lạc tịnh và dục mạnh mẽ, nhảy bén cho đến “Gọi là Dục Tam-ma-địa.” Thì Bí-sô này nhờ nghe pháp được định.

“Lại, có Bí-sô cho đến “Gọi là tinh tấn Tam-ma-địa. Đây là nhờ người khác nói và tự đọc tụng hai thứ mà được định, hợp thành tinh tấn tam-ma-địa. Lại có cho đến gọi là Tâm tam-ma-địa. Đây là nhờ tự tu duy tưởng bất tịnh v.v... mà khởi Tam-ma-địa gọi là Tam-ma-địa tâm chấp lấy tâm vương.

“Lại có cho đến “gọi là Tam-ma-địa”: đây là do pháp tùy, pháp hành mà được định.

Hạnh của phân biệt đoạn: Cũng là tư lương của tám diệt.

Thứ năm, là giải thích thần túc. Nói “Bổ-đặc-già-la của chủng tánh bất tịnh, gọi là loại vật chỉ trụ pháp nội. Dòng họ Chiên-đà-la gọi là loại vật bất tịnh, nên biết loại này chỉ trụ nội pháp mới có thể tu tập thần túc của các bậc Thánh, dẫn phát thần thông Thánh giả. Thần thông có bốn:

1. Biến hóa.
2. Tánh biến hóa thay đổi tánh ấy.
3. Lúc trụ.
4. Lúc biến, tướng văn rất dễ hiểu.

Thứ ba, đoạn lớn, giải thích năm căn. Có một bài tụng nêu bốn môn thần thông kia:

1/ An Lập.

2/ Cảnh sở hành.

3/ Tuệ căn là hơn hết, phải biết an trụ sau.

4/ Phẩm phàm phu ngoại v.v...

Thứ nhất, là giải thích môn an lập, nhân nói năm căn như tín v.v... tức nói về hai mươi hai căn.

Thứ hai, là giải thích cảnh sở hành. "khởi về minh thoát", nghĩa là tuệ vô lậu, gọi là "minh". Số giải thoát tương ứng với tuệ, gọi là "thoát".

Thứ ba, là giải thích tuệ căn, cho đến an trụ như văn rất dễ hiểu.

Thứ tư, là giải thích phẩm phàm phu ngoại v.v... nghĩa là nếu không có năm căn như tín v.v... đối với Phật, chỉ là phàm ngoại. Nếu đối với Bồ-đề chỉ có năm căn như tín v.v... của thế gian, là phàm phu nội. Nếu khởi tín vô lậu ở Bồ-đề thì gọi là phẩm loại Thánh, chẳng phải phẩm loại phàm phu kia.

Đoạn lớn thứ tư, là giải thích năm lực. Có một bài tụng nêu sáu môn:

1. Tư duy lựa chọn.

2. Giác tuệ v.v...

3. Nước v.v... và các Vua.

4. A-la-hán.

5. Hữu học.

6. Ngay thẳng.

Trong Văn xuôi giải thích, môn một, hai rất dễ hiểu.

Thứ ba, là giải thích Quốc vương v.v...

"Nương tựa nước và vua cho đến "Có mười thứ lực v.v..."

Có Luận sư giải thích: "Vì đối với nước v.v... có năng lực tự tại, nên lập mười lực, lại xem xét".

Nay, giải thích: "Một, là nước v.v... Là hai, Vua, cho đến chúng xuất thế thứ mười. Dựa vào mười thứ này, có lập mười lực, giải thích rộng kinh nói.

Thứ tư, là giải thích A-la-hán.

Luận sư Đạt nói: "Thành tựu tám lực, nghĩa là không tạo hai lực trong "hữu" của nghiệp ác.

1. Vì nhàm chán hậu hữu, nên không tạo.

2. Vì nhàm chán các dục, nên không tạo.

Trong tu thiện có sáu lực, nghĩa là bảy vị của phẩm Đạo, hai môn căn lực hợp làm một, nên có sáu”.

Nay, giải thích “Chánh đoạn, Thần túc hợp làm một, nên là sáu”.

Thứ năm, là giải thích Hữu học: Các vị hữu học thành tựu năm lực. Luận sư Đạt nói: “Lại hỏi “Nay xét quyển một trăm rằng: “Dựa vào Tỳ-nại-da, Bí-sô siêng học, thành tựu năm lực:

1. Lực gia hạnh.
2. Lực ý lạc.
3. Lực khai hiểu.
4. Lực chánh trí.
5. Lực ngay thẳng.

Nói “Hai nhân duyên: 1- Tự tu hành viên mãn. 2- Lợi người là lợi mình.

Thứ sáu là giải thích ngay thẳng v.v... (văn rất dễ hiểu).

Đoạn lớn thứ năm, giải thích bảy giác phần. Có một tụng nêu bảy môn kia: 1- Lập; 2- Sai khác; 3- Ăn, 4- Lăn lượt; 5- An vui; 6- Trụ; 7- Tu.

Đầu tiên giải thích môn lập: Nhân Xa-ma-tha, nghĩa là ba thứ định, ý (khinh an), xả, là Xa-ma-tha. Phẩm Tỳ-bát-xá-na, nghĩa là Trạch pháp, tinh tấn, hỷ. Phẩm Câu, nghĩa là hai phần: Niệm, thông.

Thứ hai, là giải thích về sự khác nhau, xét y theo văn trước.

Có giải thích: “Tự tánh tức bảy sở duyên, có bốn nhân duyên lập. Kế là Ba môn rất dễ hiểu.

Thứ sáu, là giải thích môn Trụ. “Nói trụ bốn giác chi trong phần đầu”, nghĩa là Định, y, xả, niệm. Trong phần thứ hai, trụ bốn giác chi: là Trạch pháp, tinh tấn, Hỷ, niệm, an trụ đầy đủ trong phần thứ ba.

Bảy Chi giác: định, tuệ trên phân, đầy đủ bảy giác, chưa từng an trụ, chỉ một chi giác”, Luận sư Đạt nói: “Chi niệm giác là bước đầu tiên của người tu hành”, lại giải thích: “Đã từng không có hành, nghĩa là chỉ trụ một Chi giác.

Thứ bảy, giải thích môn Tu. Luận sư Cảnh nói: “Giải thích hai mươi mốt tướng: 1- Tướng vô thường; 2- tướng khổ; 3- Tướng vô ngã; 4- Tướng “không”; 5- Tướng bất tịnh; 6- Tướng nhàm lìa cái ăn; 7- Tướng thế gian không đáng vui; 8- Tướng cái chết; 9- Tướng dứt trừ; 10- Tướng lìa; 11- Tướng diệt.

Lại, có quán chín tướng: Thấy chết xanh bầm là quán đầu tiên, “không” là sau (nhận xét văn kinh, màu lục xếp vào trong đây). Lại

thêm tướng tai hại lỗi lầm là hai mươi mốt”.

Nói “1- Y cứ vào nghĩa Câu hành, tương ứng, nghĩa là tức tương ứng đồng thời với bảy Giác: Tướng vô thường v.v... đều hiện hành tu, cho đến tướng cái chết đều hiện hành tu. Đây là y cứ đã được tạo nên quán hạnh này trong trí Hậu đắc của Bậc thánh, tương ứng với bảy Giác.

2- Y cứ ở nghĩa đều hiện hành không có gián đoạn, nghĩa là từ tướng bất tịnh cho đến tướng quán “không”, đây là y cứ áp dụng quán bất tịnh trong đạo Phương tiện, cho đến tâm thức trống không về thi hài, tức bảy giác trước, sau nhập vào nhau, gọi là y cứ ở nghĩa không có gián đoạn. Từ v.v... cũng thế. Đây là so sánh rộng, chứ chẳng phải có quán từ v.v... trong số hai mươi mốt tướng.

Tiếp theo, nói về chương bị đối trị của hai mươi mốt tướng, có mười bốn:

1. Ái nhiễm trong hành của ba đời.
2. Trẻ nãi, lười biếng.
3. Tát-ca-da kiến dù đã diệt tập khí, nhưng vẫn theo đuổi ràng buộc hiện hành của ngã mạn.
4. Tham vị ái.
5. Tham ái sự tốt đẹp của thế gian.
6. Tùy miên phiền não còn lại.
7. Mong cầu lợi dưỡng.
8. Mong cầu nuôi sống.
9. Hoặc các ái dục.
10. Hoặc hữu ái, hoặc theo phân biệt giả dối phẩm hạ.

Lại, có bốn thứ Dục tham:

1. Tham sắc đẹp.
2. Tham thân hình diện mạo.
3. Tham cảm xúc tế.
4. Tham thừa sự.

“Như thế cho đến vượt qua đường mà chuyển”, nghĩa là nói về lỗi của chương. Vì đối trị chương, nên tùy theo sự thích ứng của hai mươi mốt tướng đều hiện hành tu Chi giác khác nhau: Tướng của nghĩa thủ thích ứng với bị đối trị, chẳng phải y cứ theo thứ lớp. Thế nên nói ngay rằng, tùy theo sự thích ứng.

“Nói là vì đối trị bốn thứ chương cho đến “Tướng không đáng ưa”, nghĩa là tướng vô thường, chữa trị ái trong hành của ba đời. Tướng khổ trị lười biếng, tướng bất tịnh chán lìa. Tướng thức ăn chữa trị tham vị ái

thứ tư. Tướng tất cả thế gian không đáng ưa, đối trị thứ năm là tham ái sự tốt đẹp của thế gian. Năm tướng về trước, đều là hạnh vô nguyện, không có đối trị:

1/ Chướng ngại cho tu tướng “Không hạnh”, tướng khổ vô ngã, nghĩa là hai tướng “Không”, “Vô ngã” đều là môn “không”, đối trị hẳn tập khí, hiện hành ngã mạn của thân kiến thứ ba. Vì muốn dứt bỏ tùy miên phiền não còn lại, nên tu tướng hành vô tướng của ba cõi, nghĩa là quán dứt trừ không có cõi Dục diệt, gọi là ba cõi. Ba tướng như đoạn v.v... này đều là môn Vô Tướng.

“Vì muốn đối trị mong cầu lợi dưỡng. Vì lợi dưỡng và dục ái, nên tu tướng tai hại lỗi lầm trong các dục”, nghĩa là thứ bảy, thứ chín ở đây đồng là ái trong cảnh ngoài, do quán tướng tai hại lỗi lầm, vì mong cầu mạng sống sót và vì ái “Hữu”, nên tu tướng cái chết. Nghĩa là tướng thứ tám, thứ mười ở đây đồng với thân tong khởi ái, nên dùng tướng chết để đối trị. Vì theo đuổi phân biệt giả dối bốn Dục tham, nên tu tướng bất tịnh là đầu tiên, cho đến quán tướng “Không” là sau, hữu vi dứt trừ tham sắc đẹp, tu tướng xanh xao, bầm tím, tướng sinh trưởng. Vì dứt trừ tham vóc dáng, diện mạo, nên tu phần tướng ăn, nuốt, cũng phần tướng, tướng tán vì đối trị. Vì dứt trừ tham xúc giác mịn màng, nên tu tướng hài cốt, tướng bộ xương. Vì đối trị tham thừa sự, cho nên tu vô tâm thức, tướng thay chết không có. Lại tất cả tướng này, từ tướng xanh bầm, cho đến quán tướng không, phải biết đều thuộc về tướng bất tịnh.

Chín quán tướng này đều là sự khác nhau trong quán bất tịnh, được chia ra chín thứ quán. Lại, tu từ trong đây rất cùng cực cho đến Bất tịnh v.v... cho đến “Nên biết rằng tướng kia”: Đây là giải thích văn trước, vô gián câu hành, so sánh nêu từ v.v... cũng thế.

Đoạn lớn, thứ sáu, giải thích về tám chi Thánh đạo, có một bài tụng nêu bốn môn:

1. Sức trong ngoài.
2. Sự khác nhau của thanh tịnh.
3. Môn khác.
4. Sa-môn, Bà-la-môn.

Trước là giải thích về sức trong ngoài, tu tám Thánh đạo, do sức trong ngoài, sức ngoài chiếm đa số. Nhưng sức của thiện tri thức rất thù thắng, do đó nên gọi là “Nghe âm từ người khác”. Sức trong chiếm đa số, vì năng lực chánh tư duy rất thù thắng. Do đây nên gọi là chánh tư duy bên trong. Do hai nhân này, chánh kiến được quả Thánh.

Thứ hai, giải thích về sự khác nhau của thanh tịnh.

Bảy thứ định đủ: Xét y theo văn trước.

Có chỗ giải thích: “Trừ chánh định, chỉ bảy đạo còn lại, gọi là bảy định đủ”.

Thứ ba, là giải thích môn “khác” tức các danh từ khác nhau của tám Thánh đạo, gọi là môn khác. Vì hợp với chánh lý nên gọi là Pháp, chứng lý chỉ có pháp, vì vô nhân vô ngã, nên gọi là pháp.

Thứ tư, giải thích Sa-môn, Bà-la-môn. Trước giải thích Sa-môn. Sau, so sánh giải thích Bà-la-môn.

Trong phần trước: 1/ Tánh Sa-môn, nghĩa là trong khéo nói pháp Tỳ-nại-da, giả gọi là xuất gia, thọ tánh Sa-môn; 2/ Sa-môn tức tám chi Thánh đạo thuộc về vô ngại, là thể của Sa-môn; 3/ Nghĩa là sa-môn, thôi dứt được các việc ác là nghĩa Sa-môn, vì cho nên luận này nói: “Lại, người xuất gia theo đuổi mong cầu quả sa-môn này, nghĩa dứt trừ rất ráo tham, sân, si v.v... Cho nên nói người kia gọi là nghĩa Sa-môn.

4- Quả Sa-môn tức hai quả: Trí, Đoạn.

Đoạn lớn thứ bảy, giải thích thôi dứt niệm thứ tám, có một bài tụng nêu tám môn:

1. Chương Tùy “hoặc” Tâm v.v...
2. Quả.
3. Dục.
4. Tế.
5. Thân mệt nhọc.
6. Học trụ.
7. Tác ý.
8. Trí vô chấp.

Đầu tiên, giải thích chương mười sáu hành tùy “Hoặc” như tâm v.v...

1/ Quán hơi thở dài.

2/ Quán hơi thở ngắn v.v... (Như quyển bảy mươi bảy trước đã nói).

Thứ hai, là giải thích quả. Nói sáu kiết là: 1- Kiết phần dưới; 2- Kiết phần trên; 3- Kiết dứt trừ; 4- Tu dứt trừ; 5- Hoặc khởi, nghĩa là khởi phiền não trong trung ấm. 6- Nếu sinh nghĩa là phiền não sinh trong Sinh ấm. Như thế dùng riêng có sáu Kiết. Như thứ lớp của kiết đó, kiến lập các quả thắng lợi của hai thứ, bốn thứ, bảy thứ, nghĩa là dứt trừ năm kiết phần dưới, lập quả Bất Hoàn. Dứt trừ năm kiết phần trên, lập A-la-hán, cho nên nói lập hai quả. Nếu dứt trừ hết kiến hoặc, lập Sơ quả, dứt trừ hết tu hoặc, lập ba quả sau, nên nói lập bốn quả. Tong Trung



ấm, lập ba Na-hàm. Nói là Hạ, trung, thượng. Sinh ấm lập bốn Na-hàm, nghĩa là hành của sinh hữu, không có hành. Vì thượng lưu (dòng chảy trên) nên lập bảy.

Thứ ba, là giải thích về dục. Luận sư Cảnh nói: “Tu tập hơi thở ra vào có hai: Có trên, không có trên. Từ “có” ở trên tu muốn cầu vô thượng, hoặc vì “dục”. Luận sư Đạt nói “Trong văn này không thấy có chữ Dục, nhưng ở đoạn văn sau cuối nói Ái, giận dữ, tức là dục cũ. Trong tụng chung có kèm chữ Dục.

Thứ tư, là giải thích Tế như văn.

Thứ năm, là giải thích thân nhọc nhằn, tuệ nhãn không có nhọc, vì khéo trừ tùy phiền não của Tỳ-bát-xá-na.

Thứ sáu, là giải thích học Trụ (tìm đọc văn sẽ biết).

Thứ bảy, là giải thích bốn pháp như thân tác ý v.v..., như bốn đại lộ: Thân, Thọ, Tâm. Pháp, là Trí, Tuệ đồng quán của các Hiền, Thánh, gọi là bốn đại lộ.

Thứ tám, giải thích về Trí không có chấp. Lại nữa “Tinh tấn, siêng năng cho đến “Chứng loại của thân này có thể chấp thân”, nghĩa là tu bốn niệm trụ, biết không có ngã, “năng quán” (chủ thể quán), “sở quán” (đối tượng quán) đều là chứng loại của nhân, nên nói lại là bình đẳng: chứng loại của thân này có thể lấy, bỏ thân, như tác ý vô ngã của thân cũng thế, nghĩa là quán thân vô ngã. Trí vô ngã tức là một phần của thân. Tác ý như lý “duyên” thân mà khởi, cũng là một phần của thân, tức là lấy pháp quán pháp.

“Là nói ngoại đạo kia cho đến “đều không thật có” nghĩa là nếu có thân ngã có thể tu thân niệm trụ thì đều không thật có.

“Như thân niệm trụ v.v... trở xuống, so sánh ba niệm trụ còn lại.

Đoạn lớn thứ tám, là giải thích về Học thứ chín. Có một bài tụng nêu năm môn:

- 1- Tôn trọng Thi-la.
- 2- Giới thanh tịnh viên mãn.
- 3- Hiện hành.
- 4- Thắng lợi của Học.
- 5- Sự khác nhau của Học.

Môn đầu là giải thích tôn trọng Thi-la. Nói hai hạnh như thế, được chia làm bốn thứ, tức bốn thứ này hợp thành hai hạnh. Hai hạnh này và bốn bình đẳng, bình đẳng: Có khả năng có ba, nghĩa là khả năng sinh ba Học, hoặc Hạ, trung, thượng, tức là người chánh hạnh. Không thể chỉ một, tức người tà hạnh, nên thành bốn thứ.

Thứ hai, là giải thích về giới thanh tịnh viên mãn.

Đầu tiên lia tội tánh. Nếu giới tịnh mãn, giữ kín căn môn thì gọi là pháp thiện mãn. Xa lia tội giá, gọi là biệt giải thoát mãn. Lại, dưới đây, giải thích lại, dựa vào giới mà bậc Thánh đã yêu, gọi là tịnh giới mãn. Khéo léo dựa vào uẩn v.v... gọi là pháp thiện mãn. Dựa vào Luật nghi Biệt giải thoát, thọ trì (nhớ nhắc) giới sở hữu của thế tục, gọi là Biệt giải thoát mãn.

Thứ ba, là giải thích hiện hành. Luận sư Cảnh nói:

“1- thọ trì chẳng thuộc về “chỉ” v.v... là giới Tác trì”.

2- Thọ trì thuộc về “chỉ”: nghĩa là “giới chỉ trì”.

“Ở đây lại hai thứ trở xuống: là “Phân biệt Chỉ trì”.

Lại, có hai thuyết này, nghĩa là hoặc có Tỳ-nại-da này đã nói, chứ chẳng phải Biệt giải thoát đã nói: Luật rộng của năm bộ, chẳng phải một quyển giới bản Biệt Giải thoát. Hoặc có khi là thuyết của Tỳ-nại-da này đã nói, cũng là thuyết-mà Biệt giải thoát đã nói. Đây tức y cứ ở Bản rộng của năm bộ kia, gồm có một quyển giới Biệt giải thoát, tức là câu “Đều cùng có”.

Cho nên, tất cả đều có ba chỗ:

1. Hiện hành tăng thượng: Tức tác trì.

2. Tỳ-nại-da tăng thượng: Luật rộng của năm bộ.

Biệt giải thoát tăng thượng: Một quyển giới bản.

Luận sư Đạt nói: “Chẳng phải sở nhiếp thọ, nghĩa là giới Biệt giải thoát. “Chỉ” đã nhiếp thọ, nghĩa là định cộng giới.

4. Thắng lợi của Học rất dễ hiểu.

5. Sự khác nhau của Học.

Bốn Thánh đế, cho đến bốn pháp như tích v.v... đều có thể tánh của Thánh trụ. Nhưng theo văn ở trước nói” ba Môn giải thoát và diệt định, gọi là thánh trụ”, đây là lời nói lý cùng tận của văn.

Đoạn lớn thứ chín, giải thích xong.

Thứ mười, là chứng tịnh, có một bài tụng nêu năm môn:

1. Chứng tịnh, an lập đầu tiên.

2. Có đối khác là trước.

3. Đường trời.

4. Dụ cho gương sáng.

5. Ghi nhận riêng.

Đầu tiên, giải thích về chứng tịnh, an lập đầu tiên. Lược do hai pháp năng vào Chánh nhiếp thọ, vì tánh chứng tịnh, nên kiến lập bốn thứ, nghĩa là nhiếp tín, giới: Thể của bốn chứng tịnh không gì ngoài tín,

giới. Đối với chủ thể thuyết, là tin Phật. Đối với nghĩa Sa-môn, nghĩa là tin pháp. Đối với pháp đồng đẳng, nghĩa là tin Tăng. Đối với chủ thể chứng đắc Sa-môn, người giúp đỡ đã có tịnh tín, là tín tăng. Căn bản vững chắc, sâu sắc, ở trong sự sinh khác, cũng không thể dẫn phát, vì không có lừa dối, gọi là tánh chứng tịnh.

Giải thích chung, “Đối với cảnh của Tam bảo, sinh tín không hư hoại và tịnh Thi la”, trở xuống, là nói về tịnh giới kia.

Thứ hai, là giải thích có đối thay khác, rất dễ hiểu.

Thứ ba, là giải thích về đường của cõi trời. Bốn thứ chứng tịnh với tịnh thiên của nghĩa thứ nhất là con đường. Lại, các đệ tử bậc Thánh là chỗ nương tựa trong bốn chứng, dựa vào ba thứ môn, tu sáu tùy niệm:

1. Vì dứt trừ tùy phiền não của phẩm Định.

2. Vì dứt trừ phiền não của phẩm Trí.

3. Vì dứt trừ sẽ có thể sinh khởi hai tùy phiền não, dựa vào ba thứ này tu sáu tùy niệm, nghĩa là Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, thiên.

“Do đế lý thế tục mà được tùy niệm, gọi là Pháp uy dũng”, nghĩa là do dựa vào giáo pháp mà được tùy niệm, gọi là pháp uy dũng.

Thứ tư, là giải thích về thí dụ gương soi sáng, rất dễ hiểu.

Thứ năm, là giải thích về thọ ký. Luận sư Cảnh nói: “Có thành tựu bốn thứ chứng tịnh của mình, thọ ký cho người riêng v.v... nghĩa là khi lấy quả đầu, Bồ-đề như Noãn v.v... trong phương tiện trước của kiến đạo, chỉ quán đế lý, không thực hành quán sự, vì “duyên” sáu niệm v.v... nên khi đắc quả, như sở duyên của phương tiện trước đều chứng, nghĩa là khổ khác không thể làm cho vui v.v... chứng kiến bốn đế, tức là thể của Tam Bảo, rốt ráo tối thượng. Đã tự chứng rồi, lại thọ ký cho người, không thể dẫn phát thay đổi, không được dựa vào địa vị tu trên, vì giữ giới, nên không có an nã, cho đến được định. Nếu đối với địa vị trên, cho đến đối với các vị trời kia vì chưa hiện trông thấy, nghĩa là lấy thời gian của quả thứ hai, chung cho thế gian, xuất thế gian trong đạo Phương tiện. Một thứ phương tiện tạo nên năm niệm trong Tục đạo, trừ niệm Thiên, vì lìa dục không có Thiên nhãn kia, vì không thấy thiên, nghĩa bậc nhất vô lậu của cõi Sắc, nên không niệm thiên. Về sau, khi chứng quả thứ hai, chứng kiến sở duyên trong đạo Phương tiện là thọ ký riêng cho người. Giới trong năm niệm là giới vô lậu. Xả tức là vô tham, khi đắc quả chứng Tam Bảo, cũng thế (vẫn còn lại rất dễ hiểu).

“Nếu đối với địa vị trên v.v... trở xuống, là nói thực hành phương tiện Na- hàm, tức thành đủ sáu Niệm ở trong đạo thế tục. Vì dựa vào thiên căn bản, được thiên nhãn, hiện thấy các vị trời, nên mới có niệm

thiên. Khi đắc quả tự chứng, thọ ký cho người riêng. Quả A-la-hán chỉ có đạo xuất thế mới có thể thú chứng, tất cả tùy niệm, chỉ là thế gian, nghĩa là dứt trừ “hoặc” của Phi tưởng, chỉ đạo vô lậu, không tạo ra sáu niệm, nên khi đắc quả chỉ chứng sinh tận, thọ ký cho người, cho nên, quả Bất Hoàn trở lên, không có tùy niệm thọ ký như thế,”

Hỏi: “Hai quả đầu, sau, là chứng thấy bốn Đế, tức thấy thể của Tam Bảo. Giới vô lậu, là gốc lành vô tham, vô lậu đều là đạo Đế. Chứng đạo Đế xong, tức là chứng sáu niệm. Vì sao không tự chứng sáu niệm, không thọ ký cho người khác.

Giải thích “Nếu lúc vận dụng phương tiện, nếu khi “duyên” sáu Niệm được chứng quả, thì sẽ thọ ký cho người. Nếu khi dùng phương tiện không duyên được quả, thì không gọi là thuận với phương tiện gốc, mà chứng, vì thọ ký cho người. Lại, bốn chứng tịnh chỉ nói là tịnh v.v... trong quả Dự Lưu. Người của bốn quả dù đồng được bốn tịnh, nhưng tên gọi là, thời gian và tướng khác nhau, như văn.”

Luận sư Đạt lại giải thích: “Người Sơ quả chỉ dựa vào mình đã chứng bốn Bất hoại tịnh. Vì người khác giảng nói tùy niệm Phật v.v... không dựa vào địa vị Chỉ. Quả Nhất. Lại có thể thuận, có thể vui mừng đối với năm thứ tùy niệm, trừ niệm thiên, chưa được thanh tịnh năm Na- hàm Thiên v.v... Bậc thánh thanh tịnh trong đây gọi là thiên, chứ chẳng phải là đầy đủ thiên. Quả Bất Hoàn sanh sáu Niệm, đã được thấy năm tầng trời Na-hàm.

“Quả A-la-hán v.v... trở xuống, là giải thích về ngăn ngừa vấn nạn của người khác. Người khác nói: “Vì sao La-hán không có sáu Niệm ư?”

Giải thích: “Quả này hoàn toàn là đạo Vô lậu đã được sáu niệm, chỉ là thế gian.”

“Như thế. Lược dẫn trở xuống, là đoạn văn lớn thứ ba, kết khuyên giác biết rõ.

-----